



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 6
CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2021

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 “CÁNH DIỀU”
MÔN CÔNG NGHỆ**

HÀ NỘI – 2021

Biên soạn: TS Nguyễn Tất Thắng
ThS Nguyễn Thị Thanh Huệ
ThS Bùi Thị Hải Yến

MỤC LỤC

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 6	4
1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6	4
1.2. Kế hoạch giáo dục môn Công nghệ 6	7
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 6	8
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Công nghệ 6	8
2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung sách giáo khoa Công nghệ 6	9
2.3. Yêu cầu về phương pháp dạy học Công nghệ 6	13
2.4. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh	20
III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 6	22
3.1. Sách giáo viên, sách bài tập Công nghệ 6	22
3.2. Thiết bị dạy học Công nghệ 6	22
3.3. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử Công nghệ 6	23
Phần thứ hai. MỘT SỐ BÀI SOẠN MINH HOẠ	24

Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 6

1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6

1.1.1. Mục tiêu

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ năm 2018, mục tiêu đạt được khi kết thúc bậc trung học cơ sở là: học sinh đọc được thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng cách một số sản phẩm công nghệ trong gia đình; trao đổi được thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ thông qua lập và đọc bản vẽ kỹ thuật đơn giản; đánh giá và thiết kế được sản phẩm công nghệ đơn giản; có hiểu biết về những nguyên lý cơ bản, những kỹ năng ban đầu trong các lĩnh vực nông – lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp; có tri thức và trải nghiệm về lựa chọn nghề trong lĩnh vực công nghệ, góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau trung học cơ sở; phát huy hứng thú học tập; rèn luyện được tính cẩn thận, kiên trì trong các hoạt động kỹ thuật, công nghệ. Như vậy, môn Công nghệ 6 trang bị cho học sinh những tri thức về công nghệ trong phạm vi gia đình.

1.1.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu đã được quy định tại Chương trình tổng thể, đó là: chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm theo các mức độ phù hợp của môn học. Cụ thể ở môn Công nghệ 6:

- Có thói quen giữ gìn vệ sinh nhà ở, lớp học sạch đẹp.
- Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống riêng tư (nhà ở, trang phục,...) của người khác, phong cách thời trang cá nhân của các bạn khác.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết về các nội dung trong các chủ đề Nhà ở, Bảo quản và chế biến thực phẩm, Trang phục và thời trang, Đồ dùng điện trong gia đình.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng vào học tập và đời sống hằng ngày.
- Tham gia lao động ở gia đình phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.
- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.

- Không đồng tình với những hành vi sử dụng trang phục không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng.

Môn Công nghệ nói chung, môn Công nghệ 6 nói riêng góp phần hình thành, phát triển ở học sinh 3 năng lực chung và 5 năng lực đặc thù giúp học sinh học tập, làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội. Việc hình thành và phát triển các năng lực đặc thù cũng góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đồng thời bước đầu hướng nghề nghiệp và chuẩn bị cho học sinh các tri thức nền tảng để tiếp tục học lên, học nghề thuộc lĩnh vực công nghệ hoặc tham gia cuộc sống lao động.

Chương trình môn Công nghệ quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực này đối với HS lớp 6 như sau:

Năng lực chung

- Tự chủ và tự học
 - Tự tin và sử dụng hiệu quả các sản phẩm công nghệ trong gia đình, cộng đồng, trong học tập, công việc. HS có thể thực hành, làm dự án, thiết kế và chế tạo các sản phẩm công nghệ, sử dụng và đánh giá các sản phẩm công nghệ, bảo đảm an toàn trong thế giới công nghệ ở gia đình, cộng đồng và trong học tập, lao động.
 - Tự lực, chủ động nắm bắt kiến thức thông qua nguồn học liệu hỗ trợ tự học (đặc biệt là học liệu số) và sự hướng dẫn của GV.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

Năng lực này được thể hiện qua giao tiếp công nghệ – một thành phần cốt lõi của năng lực công nghệ. Học sinh có thể trao đổi, trình bày, chia sẻ ý tưởng,... khi thực hiện các dự án học tập và sử dụng, đánh giá các sản phẩm công nghệ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Tìm tòi, sáng tạo sản phẩm mới; giải quyết các vấn đề về kĩ thuật, công nghệ trong thực tiễn thông qua các mạch nội dung, thực hành, trải nghiệm từ đơn giản đến phức tạp.

Năng lực đặc thù

- Nhận thức công nghệ
 - Mô tả được một số sản phẩm công nghệ và tác động của nó đến đời sống gia đình.

- Bước đầu nhận thức được một số nội dung cơ bản về nghệ nghiệp liên quan đến lĩnh vực công nghệ.
- **Giao tiếp công nghệ:** Biểu diễn được vật thể hay ý tưởng thiết kế bằng hình biểu diễn cơ bản.
- **Sử dụng công nghệ**
 - Đọc được tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.
 - Sử dụng đúng cách, hiệu quả một số sản phẩm công nghệ trong gia đình.
- **Đánh giá công nghệ**
 - Đưa ra được nhận xét về một sản phẩm công nghệ về chức năng, độ bền, thẩm mỹ, hiệu quả, an toàn.
 - Lựa chọn được sản phẩm công nghệ trên cơ sở các tiêu chí đánh giá.
- **Thiết kế kĩ thuật:** phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh cụ thể.

1.1.3. Nội dung môn Công nghệ 6 và yêu cầu cần đạt cụ thể

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội dung môn Công nghệ 6 tập trung vào lĩnh vực chính là giáo dục công nghệ trong gia đình, với 4 chủ đề và các yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
Nhà ở	– Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. – Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. – Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. – Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.
Bảo quản và chế biến thực phẩm	– Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. – Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. – Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.

NỘI DUNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
	– Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. – Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. – Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.
Trang phục và thời trang	– Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. – Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân. – Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. – Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
Đồ dùng điện trong gia đình	– Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...). – Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. – Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

1.2. Kế hoạch giáo dục môn Công nghệ 6

Thời lượng dành cho môn Công nghệ lớp 6 là: 1 tiết/tuần $\times$ 35 tuần = 35 tiết.

- Tổng số: 35 tiết
- Kiểm tra đánh giá: 4 tiết
- Bài học: 31 tiết

Thời lượng dành cho mỗi bài:

BÀI HỌC	TIẾT
Bài 1. Nhà ở đối với con người	2 tiết
Bài 2. Xây dựng nhà ở	2 tiết
Bài 3. Ngôi nhà thông minh	2 tiết

BÀI HỌC	TIẾT
Bài 4. Sử dụng năng lượng trong gia đình	1 tiết
Ôn tập chủ đề 1. Nhà ở	1 tiết
Bài 5. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng	2 tiết
Bài 6. Bảo quản thực phẩm	2 tiết
Bài 7. Chế biến thực phẩm	3 tiết
Ôn tập chủ đề 2. Bảo quản và Chế biến thực phẩm	1 tiết
Bài 8. Các loại vải thường dùng trong may mặc	2 tiết
Bài 9. Trang phục và thời trang	2 tiết
Bài 10. Lựa chọn và sử dụng trang phục	2 tiết
Bài 11. Bảo quản trang phục	1 tiết
Ôn tập chủ đề 3. Trang phục và thời trang	1 tiết
Bài 12. Đèn điện	2 tiết
Bài 13. Nồi cơm điện và bếp hồng ngoại	2 tiết
Bài 14. Quạt điện và máy giặt	2 tiết
Bài 15. Máy điều hoà không khí một chiều	1 tiết
Ôn tập chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình	1 tiết

Căn cứ vào thời lượng này, tổ chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định bố trí thời khoá biểu sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Nên bố trí một số tiết dự phòng để GV có thể sử dụng cho giờ kiểm tra, bổ sung tiết cho những bài khó, bài dài hoặc dự phòng để bù giờ.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 6

2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Công nghệ 6

Sách giáo khoa Công nghệ 6 được biên soạn trên cơ sở Chương trình môn Công nghệ lớp 6 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, cụ thể hoá yêu cầu cần đạt thành nội dung bài học trong SGK Công nghệ 6.

Nội dung bài học trong SGK được xây dựng dựa trên các căn cứ:

– Quy định của Chương trình về các chủ đề và yêu cầu cần đạt.

- Đặc điểm nhận thức, năng lực của HS lớp 6.
- Thời lượng thực hiện chương trình 1 tiết x 35 tuần = 35 tiết.

SGK Công nghệ 6 được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của HS, phù hợp từng vùng miền và thuận tiện cho việc chủ động tổ chức các hoạt động dạy học của GV với tư tưởng xuyên suốt của bộ sách: “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”. Có nghĩa là, mọi tri thức trong sách đều kết nối với thực tiễn cuộc sống, khơi dậy ở HS nguồn cảm hứng để tìm tòi khám phá, tạo điều kiện để HS phát triển các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

SGK Công nghệ 6 được biên soạn theo hướng mở với các hoạt động học tập phong phú, đa dạng, tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kích thích khả năng tư duy, tìm tòi sáng tạo của HS, góp phần hình thành ở học sinh các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung sách giáo khoa Công nghệ 6

2.2.1. Cấu trúc sách giáo khoa Công nghệ 6

Nội dung sách Công nghệ 6 trang bị cho học sinh những kiến thức về công nghệ trong phạm vi gia đình. Các kiến thức này được trình bày trong 4 chủ đề, phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Từ 4 chủ đề, sách được thiết kế thành 15 bài học và 4 bài ôn tập cuối 4 chủ đề. Các chủ đề và bài học như sau:

CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC
Chủ đề 1. Nhà ở	Bài 1. Nhà ở đối với con người
	Bài 2. Xây dựng nhà ở
	Bài 3. Ngôi nhà thông minh
	Bài 4. Sử dụng năng lượng trong gia đình
	Ôn tập chủ đề 1. Nhà ở
Chủ đề 2. Bảo quản và Chế biến thực phẩm	Bài 5. Thực phẩm và giá trị dinh dưỡng
	Bài 6. Bảo quản thực phẩm
	Bài 7. Chế biến thực phẩm
	Ôn tập chủ đề 2. Bảo quản và Chế biến thực phẩm

CHỦ ĐỀ	BÀI HỌC
Chủ đề 3. Trang phục và thời trang	Bài 8. Các loại vải thường dùng trong may mặc
	Bài 9. Trang phục và thời trang
	Bài 10. Lựa chọn và sử dụng trang phục
	Bài 11. Bảo quản trang phục
	Ôn tập chủ đề 3. Trang phục và thời trang
Chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình	Bài 12. Đèn điện
	Bài 13. Nồi cơm điện và bếp hồng ngoại
	Bài 14. Quạt điện và máy giặt
	Bài 15. Máy điều hoà không khí một chiều
	Ôn tập chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình

Thứ tự các chủ đề, bài học được sắp xếp căn cứ vào:

- Yêu cầu chương trình môn Công nghệ 6.
- Mối quan hệ giữa các chủ đề trong chương trình.

Chủ đề 1. Nhà ở

Nội dung chủ đề này bao gồm các vấn đề về: Vai trò của nhà ở đối với con người, đặc điểm của nhà ở, các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam, các loại vật liệu cơ bản và các bước chính để xây dựng nhà ở, ngôi nhà thông minh, sử dụng năng lượng trong gia đình. Nội dung chủ đề này gồm những kiến thức cơ bản, phổ thông về nhà ở phù hợp với học sinh ở các địa phương, vùng miền; đồng thời cập nhật những kiến thức mới về ngôi nhà thông minh, sử dụng trang thiết bị gia dụng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. Qua nội dung chủ đề này, học sinh có được hiểu biết cơ bản về vai trò của nhà ở đối với con người, đặc điểm của nhà ở, một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam; các loại vật liệu phổ biến để xây dựng nhà ở, các bước xây dựng một ngôi nhà, biện pháp đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Đồng thời, để cập nhật tri thức hiện đại về nhà ở trong giai đoạn phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, học sinh được học các kiến thức cơ bản về ngôi nhà thông minh: khái niệm, đặc điểm của ngôi nhà thông minh và vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu đặc điểm ngôi nhà thông minh ở gia đình, ngôi nhà thông minh mơ ước của học sinh; thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.

Chủ đề 2. Bảo quản và chế biến thực phẩm

Nội dung chủ đề này bao gồm các vấn đề về: các nhóm thực phẩm và giá trị dinh dưỡng; vai trò và ý nghĩa của bảo quản, chế biến thực phẩm; một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến; các nguyên tắc xây dựng bữa ăn hợp lý, các bước tính toán sơ bộ dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình; lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. Đây là những kiến thức, kỹ năng cơ bản để hình thành thói quen ăn uống khoa học, chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh.

Chủ đề 3. Trang phục và thời trang

Nội dung của chủ đề này bao gồm các vấn đề về: Nguồn gốc, đặc điểm của các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục; nhận biết các loại vải bằng phương pháp đơn giản; khái niệm, vai trò và phân loại trang phục; khái niệm về thời trang, phong cách thời trang; cách lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích, của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình; bảo quản trang phục đúng cách. Những nội dung này là cơ sở để học sinh lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục đúng cách, phù hợp với điều kiện của bản thân, gia đình và môi trường học tập, làm việc, sinh hoạt.

Chủ đề 4. Đồ dùng điện trong gia đình

Nội dung của chủ đề này đề cập đến đặc điểm cấu tạo, nguyên lý làm việc, thông số kỹ thuật, cách sử dụng một số đồ dùng điện trong gia đình gồm: đèn điện, nồi cơm điện, bếp điện, quạt điện, máy giặt, máy điều hòa,... Đây là cơ sở để học sinh lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

Như vậy, nội dung Công nghệ 6 hình thành cho học sinh có những hiểu biết cơ bản, phổ thông về lĩnh vực công nghệ trong gia đình. Đó là cơ sở góp phần giúp cho học sinh hình thành năng lực công nghệ và phẩm chất chung, đáp ứng yêu cầu lựa chọn, sử dụng công nghệ trong gia đình an toàn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của gia đình và xã hội trong giai đoạn hiện nay và định hướng tương lai. Đây cũng là những tri thức cơ bản để học sinh học tiếp lên các lớp cao hơn và vận dụng vào cuộc sống.

2.2.2. Các kiểu bài và cách dạy, cách học; những lưu ý khi khai thác nội dung SGK Công nghệ 6

Bài học Công nghệ 6 gồm có 2 loại: bài học trong chủ đề và bài ôn tập chủ đề.

Cấu trúc mỗi bài học trong chủ đề, gồm: Mục tiêu của bài học, hình ảnh minh hoạ bài học, các hoạt động và các câu phần của một bài học như sau:

Mở đầu	Nhằm gợi mở nội dung bài học và liên hệ bài học với thực tiễn.
Hình thành kiến thức/kỹ năng	Giúp HS lĩnh hội kiến thức và hình thành kỹ năng mới
	Nhằm khám phá kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành
Luyện tập	Nhằm rèn luyện, khắc sâu kiến thức, kỹ năng vừa học được
Vận dụng	Giúp vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào cuộc sống
Kiến thức cốt lõi	Các kiến thức cần có sau khi học xong bài học
Mở rộng	Nhằm giúp HS mở rộng kiến thức và tăng sự hứng thú học tập; thấy được giá trị của kiến thức trong bài học.

Tuỳ mục tiêu bài học mà nội dung thực hành được thiết kế tích hợp trong bài học lí thuyết, giúp HS học lí thuyết và thực hành, vận dụng để hình thành và phát triển năng lực công nghệ.

Nội dung của các bài học chủ yếu là những vấn đề cơ bản, thiết thực, phù hợp với mục tiêu chương trình môn Công nghệ và phù hợp với đặc điểm của HS lớp 6, đảm bảo tính vùng miền. Các bài học không thiết kế theo từng tiết một như sách giáo khoa hiện hành mà nhiều bài được thiết kế 2 tiết (tuỳ thuộc vào nội dung của chủ đề) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV tổ chức dạy học một cách chủ động, linh hoạt, phù hợp với điều kiện của HS, nhà trường và địa phương.

Các bài ôn tập được thiết kế gồm 2 phần:

- Hệ thống hoá kiến thức thông qua sơ đồ, giúp HS ghi nhớ và nắm vững mối liên hệ giữa các kiến thức đã học, qua đó phát triển năng lực tư duy tổng hợp, khái quát hoá.
- Luyện tập, vận dụng thông qua các câu hỏi, bài tập, xử lí tình huống,... giúp học sinh luyện tập, vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống ở gia đình, nhà trường... để góp phần hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Ngoài ra, nội dung bài học còn chú ý đến việc giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn, tiết kiệm năng lượng; góp phần giáo dục định hướng nghề nghiệp cho HS thông qua các hoạt động luyện tập, vận dụng, mở rộng. Những nội dung này giúp HS có ý thức và hành động đúng đắn để bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động.

2.3. Yêu cầu về phương pháp dạy học Công nghệ 6

2.3.1. Yêu cầu chung

Để tổ chức được các hoạt động học tập tích cực cho học sinh học tập các chủ đề, bài học môn Công nghệ 6, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, năng lực của học sinh, điều kiện gia đình, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương, nhằm nâng cao hứng thú học tập, hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh, giáo viên cần lưu ý bám sát các yêu cầu sau:

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh; coi trọng việc học tập dựa trên hành động, trải nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn ở gia đình, nhà trường, địa phương,...
- Khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị cho tổ bộ môn, nhà trường theo nguyên lí thiết bị, phương tiện dạy học là nguồn tri thức về đối tượng công nghệ. Coi trọng các nguồn tư liệu ngoài sách giáo khoa; khai thác lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Công nghệ 6 trên các phương diện lưu trữ tri thức, đa phương tiện, mô phỏng, kết nối, môi trường học tập.
- Tuỳ theo mục tiêu bài học Công nghệ 6, tính chất của hoạt động, giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế, đồng thời phải phù hợp với điều kiện tổ chức lớp học, cơ sở vật chất của nhà trường, tận dụng các sản phẩm công nghệ khác gần gũi, phù hợp với học sinh ở địa phương.
- Vận dụng sáng tạo quan điểm giáo dục tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn công nghệ, tiết kiệm năng lượng; giáo dục tích hợp liên môn giữa Khoa học, Công nghệ, Kĩ thuật, Toán học để thúc đẩy giáo dục STEM, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất gắn với giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

2.3.2. Tổ chức các hoạt động học tập

Năng lực công nghệ được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động dạy và học. Mỗi hoạt động dạy học cụ thể trong kế hoạch các bài dạy Công nghệ 6, GV đều phải xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực trên cơ sở phân tích đặc

điểm nội dung dạy học và tham chiếu khung năng lực chung, năng lực công nghệ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

SGK Công nghệ 6 bám sát hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức các hoạt động dạy học cho HS theo công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020. Tiến trình dạy học gồm các hoạt động sau:

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành,...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.
- c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).
- b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.
- c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.
- d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.

Trong mỗi hoạt động học, GV cần làm rõ các bước tổ chức thực hiện gồm: Giao nhiệm vụ học tập; Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định. Trong bài học Công nghệ 6, hoạt động mở rộng giúp HS tăng hứng thú học tập, kích thích sự tìm tòi sáng tạo, ham hiểu biết, đồng thời góp phần giáo dục hướng nghiệp, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng,... Tuy điều kiện cụ thể mà GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này cho phù hợp.

2.3.3. Một số phương pháp dạy học môn Công nghệ 6

Có thể nói, phương pháp là chìa khoá của những giờ học thành công. Để có những giờ học hiệu quả, việc lựa chọn và thực hiện phương pháp dạy học phù hợp rất quan trọng. Không thể sử dụng duy nhất một phương pháp cho cả giờ học. Việc phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giờ học có ý nghĩa rất

quan trọng. Khi thực hiện các phương pháp dạy học tích cực để dạy các bài học trong SGK Công nghệ 6, GV cần bám theo các nguyên tắc dạy học sau:

- HS là trung tâm của hoạt động dạy học.
- Kiến thức, kĩ năng được hình thành cho HS theo quy trình đi từ cụ thể đến tổng quát, đi từ cuộc sống vào bài học và từ bài học lại liên hệ, vận dụng vào cuộc sống.
- Kiến thức do HS kiến tạo nên thông qua việc huy động các kiến thức, kinh nghiệm sẵn có và thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, thực hành, vận dụng.
- Thái độ, cảm xúc, giá trị riêng, ... của HS được coi trọng và sử dụng để tích cực hoá hoạt động học tập và sự tham gia của HS.
- GV là người tổ chức hoạt động, dẫn dắt, đặt câu hỏi cho HS trả lời, giám sát HS làm việc, đánh giá và hướng dẫn HS đánh giá.
- HS là chủ thể tích cực của các hoạt động học tập, được khuyến khích đưa ra các ý kiến cá nhân, thậm chí đối lập, đưa ra các câu hỏi, lời nhận xét, đánh giá, ... bằng cách đó HS được gián tiếp phát triển tư duy phản biện, tư duy độc lập và tư duy sáng tạo.

Sau đây là một số phương pháp dạy học tích cực thường được sử dụng khi dạy môn Công nghệ 6:

Phương pháp làm việc theo nhóm

- Bản chất
 - Bản chất của phương pháp này là tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong một khoảng thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - 5 yếu tố của hợp tác nhóm:
 - + Có sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực: Kết quả của cả nhóm chỉ có được khi có sự hợp tác làm việc, chia sẻ của tất cả các thành viên trong nhóm.
 - + Thể hiện trách nhiệm cá nhân: Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung.

- + Khuyến khích sự tương tác: Trong quá trình làm việc, cần có sự trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm để tạo thành ý kiến chung của nhóm.
- + Rèn luyện các kỹ năng xã hội: Tất cả các thành viên đều có cơ hội để rèn kỹ năng như: lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, đưa thông tin phản hồi tích cực, thuyết phục ra quyết định.
- Phương pháp hợp tác nhóm có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp,...
- Quy trình thực hiện
 - GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho cả lớp.
 - Chia HS thành các nhóm học tập và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau. HS cần được ngồi đối diện với nhau để tạo ra sự tương tác trong quá trình học tập.
 - Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.
 - Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.
 - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.
 - Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.
 - GV nhận xét và tổng kết.

Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề

- Bản chất

Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề là PPDH trong đó GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển HS phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác.

- Quy trình thực hiện, gồm hai phần:
 - Phần xây dựng tình huống có vấn đề:
 - + Bước 1: Nghiên cứu kĩ mục tiêu, nội dung bài, lựa chọn nội dung đáp ứng được yêu cầu của tình huống có vấn đề.
 - + Bước 2: Phân tích nội dung, liên hệ những kiến thức HS đã biết, đã được học để xác định mâu thuẫn.
 - + Bước 3: Hoàn thiện tình huống có vấn đề và các dự kiến các hướng HS có thể đưa ra giải quyết.
 - Phần giải quyết vấn đề:
 - + Bước 4: Tiếp nhận tình huống, phân tích vấn đề, nội dung của tình huống, xác định nhiệm vụ cần thực hiện.
 - + Bước 5: HS huy động kiến thức liên quan đưa ra những giả thuyết.
 - + Bước 6: Dựa vào tri thức đã có để lập luận, nghiên cứu thêm thông tin mới để khẳng định hay bác bỏ giả thuyết.
 - + Bước 7: Nhận xét, đánh giá để lựa chọn phương án tối ưu và rút ra kết luận.

Phương pháp thực hành

- Bản chất

Phương pháp thực hành là PPDH trong đó GV tổ chức cho HS trực tiếp thao tác trên đối tượng, nhằm giúp HS hiểu rõ và vận dụng lí thuyết vào thực hành, luyện tập, hình thành kĩ năng.
- Quy trình thực hiện
 - Bước 1: Giúp HS hiểu vì sao thực hiện kĩ năng đó và một số thông tin quan trọng khác.
 - Bước 2: GV hướng dẫn để HS biết trình tự các bước và cách thức thực hiện từng thao tác. Cách tốt nhất là HS được xem trình diễn hoặc nghiên cứu tình huống. Trong trường hợp làm mẫu thì GV nên làm mẫu với tốc độ vừa phải để HS theo dõi và tiếp thu được. GV nên vừa làm mẫu vừa kết hợp giải thích các thao tác.
 - Bước 3: Tổ chức cho HS thực hành
 - + HS có thể thực hành cá nhân hoặc theo nhóm, tùy số lượng đồ dùng chuẩn bị được. Tuy nhiên, GV cần tạo điều kiện để cho HS được thực hành cá nhân.

- + GV chú ý quan sát hoạt động thực hành của HS để nhanh chóng phát hiện những khó khăn, sai sót và những HS cần được chỉ dẫn thêm hoặc giúp đỡ.
- Bước 4: Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hành trước lớp: HS cần được tự báo cáo kết quả thực hành, GV kiểm tra, hiệu chỉnh, nhận xét và đánh giá.

Phương pháp dạy học trực quan

- **Bản chất**

Dạy học trực quan (hay còn gọi là trình bày trực quan) là PPDH sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới, khi ôn tập, khi củng cố, hệ thống hoá và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

PPDH trực quan được thể hiện dưới hình thức là minh hoạ và trình bày:

- Minh hoạ thường trưng bày những phương tiện trực quan có tính chất minh hoạ như bản mẫu, bản đồ, bức tranh, tranh chân dung, hình vẽ trên bảng,...
- Trình bày thường gắn liền với việc trình bày thí nghiệm, những thiết bị kỹ thuật, chiếu phim đèn chiếu, phim điện ảnh, băng video. Trình bày thí nghiệm là trình bày mô hình đại diện cho hiện thực khách quan được lựa chọn cẩn thận về mặt sư phạm. Nó là cơ sở, là điểm xuất phát cho quá trình nhận thức – học tập của HS, là cầu nối giữa lý thuyết và thực tiễn. Thông qua sự trình bày của GV mà học sinh không chỉ lĩnh hội dễ dàng tri thức mà còn giúp họ học tập được những thao tác mẫu của GV từ đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo,...

- **Quy trình thực hiện**

- GV treo những phương tiện trực quan có tính chất minh hoạ hoặc giới thiệu về các vật dụng thí nghiệm, các thiết bị kỹ thuật,... và nêu yêu cầu định hướng cho sự quan sát của HS.
- GV trình bày các nội dung trong lược đồ, sơ đồ, bản đồ,... tiến hành làm thí nghiệm, trình chiếu các thiết bị kỹ thuật, phim đèn chiếu, phim điện ảnh,...
- GV yêu cầu một số HS trình bày lại, giải thích nội dung sơ đồ, biểu đồ, trình bày những gì thu nhận được qua thí nghiệm hoặc qua những phương tiện kỹ thuật, phim đèn chiếu, phim điện ảnh.
- Từ những chi tiết, thông tin HS thu được từ phương tiện trực quan, GV nêu câu hỏi yêu cầu HS rút ra kết luận khái quát về vấn đề mà phương tiện trực quan cần chuyển tải.

Phương pháp vấn đáp gợi mở

- **Bản chất**

Phương pháp vấn đáp là quá trình tương tác giữa GV và HS, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi và câu trả lời tương ứng về một chủ đề nhất định được GV đặt ra. Qua việc trả lời hệ thống câu hỏi dẫn dắt của GV, HS thể hiện được suy nghĩ, ý tưởng của mình, từ đó khám phá và lĩnh hội được đối tượng học tập.

- **Quy trình thực hiện**

– Trước giờ học:

+ Bước 1: Xác định mục tiêu bài học và đối tượng dạy học. Xác định các đơn vị kiến thức kĩ năng cơ bản trong bài học và tìm cách diễn đạt các nội dung này dưới dạng câu hỏi gợi ý, dẫn dắt HS.

+ Bước 2: Dự kiến nội dung các câu hỏi, hình thức hỏi, thời điểm đặt câu hỏi (đặt câu hỏi ở chỗ nào?), trình tự của các câu hỏi (câu hỏi trước phải làm nền cho các câu hỏi tiếp sau hoặc định hướng suy nghĩ để HS giải quyết vấn đề). Dự kiến nội dung các câu trả lời của HS, trong đó dự kiến những “lỗ hổng” về mặt kiến thức cũng như những khó khăn, sai lầm phổ biến mà HS thường mắc phải. Dự kiến các câu nhận xét hoặc trả lời của GV đối với HS.

+ Bước 3: Dự kiến những câu hỏi phụ để tùy tình hình từng đối tượng cụ thể mà tiếp tục gợi ý, dẫn dắt HS.

– Trong giờ học:

+ Bước 4: GV sử dụng hệ thống câu hỏi dự kiến (phù hợp với trình độ nhận thức của từng loại đối tượng học sinh) trong tiến trình bài dạy và chú ý thu thập thông tin phản hồi từ phía HS.

– Sau giờ học: GV chú ý rút kinh nghiệm về tính rõ ràng, chính xác và trật tự logic của hệ thống câu hỏi đã sử dụng trong giờ dạy.

2.4. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của học sinh

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập, qua đó điều chỉnh hoạt động dạy và học. Theo thiết kế chương trình môn Công nghệ 6 có 4 tiết cho kiểm tra, đánh giá.

Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế

trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi – đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số, giáo viên phải thông báo trước cho HS về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho HS tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của HS theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy. Đánh giá quá trình phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và tích hợp vào trong các hoạt động dạy học, đảm bảo mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ của HS; GV nên khuyến khích tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì: GV cần thảo luận với tổ chuyên môn để thống nhất xây dựng ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6. Ma trận đề kiểm tra, đánh giá định kì gồm có ngân hàng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan. Các câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm khách quan được xây dựng theo 4 mức độ yêu cầu như sau:

- Nhận biết: Các câu hỏi yêu cầu HS nhận ra, nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Thông hiểu: Các câu hỏi yêu cầu HS giải thích, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Vận dụng: Các câu hỏi yêu cầu HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung đã được học ở các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học.
- Vận dụng cao: Các câu hỏi yêu cầu HS vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, các vấn đề thực tiễn phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học.

Đối với bài kiểm tra thực hành: Đây là một lợi thế của môn Công nghệ. GV thảo luận với tổ chuyên môn xây dựng các bài kiểm tra thực hành để kiểm tra, đánh giá định kì môn học. Trong đó, bài kiểm tra thực hành phải nêu rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Ngoài ra, GV nên khuyến khích HS viết tự nhận xét về ưu điểm, hạn chế, sự tiến bộ của bản thân trong học tập, rèn luyện đối với từng môn học cuối mỗi học kì. Căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và định kì, GV tổng hợp đưa ra nhận xét, đánh giá để HS hoàn thiện, chỉnh sửa và gửi thông báo cho cha mẹ HS.

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 6

3.1. Sách giáo viên, sách bài tập Công nghệ 6

Sách giáo viên Công nghệ 6 và sách bài tập Công nghệ 6 được biên soạn nhằm hỗ trợ cho GV và HS trong quá trình tổ chức dạy và học.

Sách giáo viên Công nghệ 6 được biên soạn gồm có phần giới thiệu chung và phần cụ thể để gợi ý cho GV thiết kế các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS; gợi ý tài liệu tham khảo, kiến thức bổ trợ trong quá trình soạn giáo án.

Sách bài tập Công nghệ 6 được thiết kế gồm các bài tập trắc nghiệm khách quan và tự luận, bài tập tình huống để HS luyện tập, củng cố, vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng đã học sau mỗi bài học. Đồng thời luyện tập, vận dụng tổng hợp sau khi học xong từng chủ đề, qua đó hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Công nghệ 6.

3.2. Thiết bị dạy học Công nghệ 6

Để hình thành và phát triển năng lực công nghệ cho HS, trong dạy học công nghệ 6, GV cần tăng cường tổ chức các hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động trải nghiệm. Thiết bị dạy học Công nghệ 6 gồm có các thiết bị dùng chung và các thiết bị dạy học riêng của môn Công nghệ 6.

Các thiết bị dùng chung cho phòng thực hành bộ môn như: máy tính để bàn và các bộ dụng cụ, vật liệu, thiết bị phục vụ thực hành cơ khí, điện các lớp ở bậc trung học cơ sở.

Các thiết bị dạy học tối thiểu đối với môn Công nghệ 6 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm:

Tranh giáo khoa

- Chủ đề Nhà ở: vai trò và đặc điểm chung của nhà ở, kiến trúc nhà ở Việt Nam, xây dựng nhà ở, ngôi nhà thông minh.
- Chủ đề Bảo quản và chế biến thực phẩm: thực phẩm trong gia đình, phương pháp bảo quản thực phẩm, phương pháp chế biến thực phẩm.
- Chủ đề Trang phục và thời trang: trang phục và đời sống, thời trang trong cuộc sống, lựa chọn và sử dụng trang phục.
- Chủ đề Đồ dùng điện trong gia đình: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện.

Các video, gồm có: video về ngôi nhà thông minh, vệ sinh an toàn thực phẩm trong gia đình, trang phục và thời trang, an toàn điện trong gia đình, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Thiết bị thực hành

- Chủ đề Bảo quản và chế biến thực phẩm: bộ dụng cụ chế biến món ăn không sử dụng nhiệt, bộ dụng cụ tía hoa, trang trí món ăn.
- Chủ đề Trang phục và thời trang: hộp mẫu các loại vải.
- Chủ đề Đồ dùng điện trong gia đình: nồi cơm điện, Bếp điện, các loại bóng đèn điện, quạt điện.

Các nội dung của lĩnh vực công nghệ trong gia đình rất gần gũi với học sinh, do vậy, giáo viên chủ động khai thác thế mạnh là các phương tiện trực quan về nhà ở, bảo quản, chế biến thực phẩm, trang phục và thời trang, đồ dùng điện trong gia đình trên mạng internet, sách báo, tài liệu,... để tổ chức cho học sinh học tập tích cực trong dạy học Công nghệ 6.

3.3. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử Công nghệ 6

Sách và học liệu điện tử môn Công nghệ 6 được xây dựng gồm có: sách Công nghệ 6 phiên bản điện tử; video bài Ngôi nhà thông minh; một số tài liệu tham khảo điện tử, video, tranh ảnh về các chủ đề Nhà ở, Trang phục và thời trang, Bảo quản và chế biến thực phẩm, Đồ dùng điện trong gia đình để hỗ trợ cho GV tham khảo trong quá trình tổ chức học tập cho HS,...

Phần thứ hai. MỘT SỐ BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 3. NGÔI NHÀ THÔNG MINH

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh cần đạt:

Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về ngôi nhà thông minh, các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- Mô tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông minh: tính tiện nghi, tính an toàn, tiết kiệm năng lượng.
- Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh và một số nghề nghiệp liên quan đến công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

Năng lực:

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin dữ liệu qua nội dung SGK để trả lời câu hỏi.
- Hợp tác theo nhóm để nhận diện các đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về đặc điểm ngôi nhà thông minh.
- Nhận thức được nghề kĩ sư công nghệ thông tin.

Phẩm chất:

- Có tinh thần tự học, chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Có tinh thần trách nhiệm và trung thực trong hoạt động của nhóm.
- Chăm chỉ trong sáng tạo các sản phẩm công nghệ thân thiện với môi trường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Sách giáo khoa Công nghệ 6.
- Phiếu học tập.
- Giấy A₀, A₄, bút dạ, bút màu, nam châm dính bảng.
- Video về ngôi nhà thông minh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

- Gợi mở nội dung và tạo hứng thú cho HS với bài học.

- Nhận biết kiến thức thực tiễn của HS với đặc điểm thể hiện tính thông minh của một số thiết bị quen thuộc.

Nội dung: Em hãy kể tên các thiết bị thông minh mà em biết. Đặc điểm nào thể hiện tính thông minh của các thiết bị ấy?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV đưa ra yêu cầu mở đầu/khởi động cho HS.
- HS suy nghĩ câu trả lời.
- GV gọi một số HS, mỗi HS sẽ đưa ra câu trả lời.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV nhận xét và tổng kết.

Sau hoạt động mở đầu/Khởi động GV dẫn dắt vào bài học và đi tìm hiểu nội dung phần I. Khái niệm ngôi nhà thông minh.

1. Khái niệm nhà thông minh

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Cung cấp cho HS về khái niệm ngôi nhà thông minh, hệ thống cấu tạo nên ngôi nhà thông minh.

Nội dung:

Kể tên một số các điều khiển ngôi nhà thông minh.

- Quan sát hình 3.1 kể tên các hệ thống có trong ngôi nhà thông minh.
- Trong ngôi nhà thông thường có các hệ thống này hay không? Nếu có thì chúng có sự khác biệt gì so với ngôi nhà thông minh. Cho ví dụ.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của mục I. Khái niệm ngôi nhà thông minh
- Sau đó GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi.
- GV yêu cầu một số HS trả lời.
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có).
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: Củng cố kiến thức khái niệm ngôi nhà thông minh.

Nội dung:

1. Điền từ hoặc cụm từ còn thiếu mô tả đặc điểm của ngôi nhà thông minh trong các dấu chấm:

Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được lắp đặt các..... thành hệ thống và được điều khiển đảm bảo tăng tính tiện nghi, an toàn và tiết kiệm năng lượng khi sử dụng.

2. Có bao nhiêu hệ thống trong ngôi nhà thông minh?

- a. 6 hệ thống b. 7 hệ thống c. 8 hệ thống d. 9 hệ thống

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV đọc câu hỏi.
- HS đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét câu trả lời và đưa ra đáp án.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu:

- Nhận diện được các hệ thống trong ngôi nhà thông minh.
- Giúp cho HS đam mê khám phá ngôi nhà thông minh.

Nội dung: Sưu tầm các video về các hệ thống thiết bị thông minh.

Sản phẩm: Các video về hệ thống thiết bị thông minh mà HS sưu tầm được.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS và giao cho các nhóm yêu cầu trong hoạt động vận dụng.
- Mỗi nhóm HS hoàn thành và giao nộp kết quả cho giáo viên.

Hoạt động 4. Mở rộng

Mục tiêu: Cung cấp hiểu biết về ngành Kỹ sư công nghệ thông tin.

Nội dung: Em có biết trang 15.

Sản phẩm: Hiểu biết của học sinh về Kỹ sư công nghệ thông tin.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS đọc hoặc tự đọc mục Em có biết trang 15.
- GV giải thích cho HS những khái niệm các em chưa biết (nếu có)
- GV yêu cầu các em liên hệ thực tế (những người xung quanh ai là kỹ sư công nghệ thông tin? Công việc cụ thể của họ là gì?).
- HS tìm hiểu về nghề và liên hệ với thực tế.

2. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh

Hoạt động1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: Mô tả được ba đặc điểm của ngôi nhà thông minh: tính tiện nghi, tính an toàn cao và tiết kiệm năng lượng.

Nội dung:

- Ngôi nhà thông minh có dễ sử dụng đối với người già, trẻ em hay không? Vì sao?
- Nêu tên các thiết bị được điều khiển từ xa trong hình 3.2.

- Hãy quan sát hình 3.3 và trả lời các câu hỏi sau:
- Hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy có thể cảnh báo trong những trường hợp nào?
- Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chủ nhà bằng cách nào?
- Hãy quan sát hình 3.4 và cho biết ngôi nhà thông minh thu nhận năng lượng mặt trời, năng lượng gió bằng thiết bị nào?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung phần II.
- HS đọc nội dung và lần lượt trả lời các câu hỏi.
- HS khác nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét và đưa ra đáp án.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu:

- củng cố các đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
- Nhận diện được ngôi nhà thông minh.

Nội dung:

- Hãy kể thêm tên các hoạt động tự động của các hệ thống trong ngôi nhà thông minh theo bảng 3.1.
- Hoàn thiện bảng 3.2.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia nhóm HS.
- GV giao phiếu học tập cho các nhóm, hướng dẫn, gợi ý.
- Nhóm HS hoàn thành phiếu học tập số 1, 2.
- Một số nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm.
- Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV tổng kết và đưa ra đáp án.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu: Vận dụng đặc điểm ngôi nhà thông minh vào ngôi nhà của gia đình.

Nội dung:

- Ngôi nhà của gia đình em có đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh không? Hãy nêu các đặc điểm đó (nếu có).
- Hãy vẽ hoặc mô tả ngôi nhà thông minh mơ ước của em.

Sản phẩm: Câu trả lời và tranh vẽ của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV giao yêu cầu cho HS.
- HS đưa ra câu trả lời.
- GV nhận xét và tổng kết.

Hoạt động 4. Mở rộng (nếu có)

Mục tiêu:

- Cung cấp cho HS về một ngôi nhà thông minh trên thực tế ở Việt Nam
- Giúp HS đam mê thực hành cách làm quạt sử dụng năng lượng mặt trời

Nội dung: Em có biết, Tìm hiểu thêm.

Sản phẩm:

- Kiến thức của học sinh về Biệt thự mặt trời – một trong những ngôi nhà thông minh đầu tiên tại Việt Nam.
- HS biết cách làm quạt sử dụng năng lượng mặt trời qua video “Cách làm quạt mini sử dụng pin mặt trời đơn giản.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS đọc nội dung mục Em có biết và Tìm hiểu thêm.
- GV cho HS quan sát video về cách làm quạt mini sử dụng pin mặt trời đơn giản.
- HS tóm tắt kiến thức đọc được và đưa ra quan điểm của cá nhân.
- GV tổng kết

IV. ĐÁP ÁN

1. Điều khiển ngôi nhà thông minh bằng bảng điều khiển, điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính bàn.

2. Có 8 hệ thống trong ngôi nhà thông minh: Hệ thống chiếu sáng, hệ thống chuyển đổi năng lượng, hệ thống tưới nước, hệ thống thiết bị nhiệt, hệ thống báo động báo cháy, hệ thống an ninh, hệ thống màn hình rèm. Trong ngôi nhà thông minh thường có thể có các hệ thống này, tuy nhiên không đầy đủ các hệ thống như đã liệt kê. Các hệ thống có thể hoạt động riêng rẽ mà không có sự kết nối với nhau. Ví dụ trong ngôi nhà thông minh khi bước vào cửa thì đèn sẽ tự động bật sáng, điều hoà sẽ tự động bật ở mức nhiệt độ phù hợp với môi trường, hệ thống màn hình rèm tự động kéo,...

3. Ngôi nhà thông minh dễ sử dụng đối với cả người già, trẻ em và người ít biết về công nghệ bởi tính tiện nghi của nó. Do ngôi nhà thông minh có tính tự động hoặc được điều khiển chỉ bằng một nút bấm. Các tiện nghi của nó thì hoàn toàn thích hợp với hai đối tượng này. Ví dụ: đèn tự động bật giúp người già và trẻ em

dễ dàng đi lại, khi vắng nhà thì người già hay trẻ em không cần phải khoá cửa, mở cửa,...

4. Các thiết bị được điều khiển từ xa được thể hiện trong hình 3.2 là a – tủ lạnh; b – bếp từ; c – điều hoà; d, e, k – camera; g – máy tính; h – khoá cửa; i – lò vi sóng; l – chuông báo cửa.

5. Hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy có thể cảnh báo trong những trường hợp: có khói vượt quá ngưỡng an toàn, rò rỉ khí gas, phát hiện xâm nhập trái phép, báo kính vỡ, phát hiện chuyển động, phát hiện mở cửa.

7. Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thống an ninh, báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chủ nhà bằng cách thông báo qua điện thoại, thông báo qua còi, đèn chớp.

8. Ngôi nhà thông minh thu nhận năng lượng mặt trời và năng lượng gió nhờ vào các tấm pin mặt trời và các tuabin gió cùng với bộ chuyển đổi năng lượng mặt trời thành điện.

9. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh bảng 3.2

Mô tả	Đặc điểm của ngôi nhà thông minh
Người đi tới đâu, đèn tự động bật để chiếu sáng	Tính tiện nghi
Tin nhắn được gửi đến điện thoại của chủ nhà khi phát hiện ra sự xâm nhập trái phép	Tính an toàn cao
Có tấm pin mặt trời ở mái nhà	Tính tiết kiệm năng lượng
Điều hoà tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng phù hợp với điều kiện tự nhiên xung quanh	Tính tiện nghi
Chạm nút “Đi ngủ” trên màn hình thì điện được tắt, rèm được kéo vào, cửa được đóng	Tính tiện nghi
Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn	Tính an toàn cao

V. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu:

- Đánh giá các mục tiêu đã đạt được của bài học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng của học sinh trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Phiếu học tập, các câu trả lời được đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của học sinh được đánh giá thông qua cấu trúc của báo cáo, nội dung.

VI. PHỤ LỤC

Nhóm:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP 1

Yêu cầu: Hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong trang 16 sách giáo khoa Công nghệ 6 và hoàn thành các thông tin theo bảng sau:

Tên hệ thống	Hoạt động tự động
Hệ thống đèn chiếu sáng	
Hệ thống an ninh	
Hệ thống báo động, báo cháy	
Hệ thống màn rèm	
Hệ thống thiết bị nhiệt	
Hệ thống giải trí	
Hệ thống tưới nước	

Nhóm:.....Lớp.....

PHIẾU HỌC TẬP 2

Yêu cầu: Hãy đọc câu hỏi phần luyện tập trong trang 18 sách giáo khoa Công nghệ 6 và hoàn thành các thông tin theo bảng dưới đây.

Mô tả	Đặc điểm của ngôi nhà thông minh
Người đi tới đâu, đèn tự động bật để chiếu sáng	
Tin nhắn được gửi đến điện thoại của chủ nhà khi phát hiện ra sự xâm nhập trái phép	
Có tấm pin mặt trời ở mái nhà	
Điều hoà tự động điều chỉnh nhiệt độ phòng phù hợp với điều kiện tự nhiên xung quanh	
Chạm nút “Đi ngủ” trên màn hình thì điện được tắt, rèm được kéo vào, cửa được đóng	
Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn	

BÀI 9. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh cần đạt:

Kiến thức:

- Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

Năng lực:

- Tự nghiên cứu thu thập thông tin dữ liệu qua nội dung trong SGK để trả lời các câu hỏi của GV.
- Hợp tác theo nhóm giải quyết vấn đề trong nội dung trang phục và thời trang
- Giải quyết các vấn đề có gắn với thực tiễn về trang phục và thời trang
- HS có khả năng lựa chọn phong cách thời trang phù hợp với lứa tuổi, sở thích cá nhân.

Phẩm chất:

- Có tinh thần tự học, chăm làm, nhiệt tình tham gia các công việc trong lớp.
- Giúp đỡ chia sẻ bạn bè khi hợp tác thảo luận.
- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình của Bài 9. Trang phục và thời, sách giáo khoa Công nghệ 6 in khổ A₀ và một số hình ảnh về các phong cách thời trang.
- Phiếu học tập.
- Giấy A₀, A₄, bút dạ, nam châm dính bảng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu/Khởi động

Mục tiêu:

- HS nhận biết được vai trò của trang phục đối với con người.
- Tạo hứng thú cho HS với chủ đề.

Nội dung: Trang phục có vai trò như thế nào đối với con người?

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chia nhóm HS, yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- Nhóm HS đưa ra câu trả lời.
- Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

Sau hoạt động này, GV dẫn dắt để chuyển tiếp sang hoạt động hình thành kiến thức.

1. Trang phục

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về trang phục và thời trang.
- Nhận biết được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.

Nội dung: Khái niệm trang phục trang 46, câu hỏi hình thành kiến thức trang 47 SGK Công nghệ 6.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc khái niệm về trang phục trang 46 SGK; giải thích khái niệm và dẫn dắt đến nội dung vai trò của trang phục. GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: “Hãy chỉ rõ vai trò bảo vệ con người của trang phục trong hình 9.2”.
- HS thực hiện yêu cầu.
- GV đánh giá và nhận xét câu trả lời. GV nêu câu hỏi: Theo em, trang phục được chia thành mấy loại?
- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và đánh giá.

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: củng cố kiến thức của nội dung I. Thời trang

Nội dung: Các câu hỏi luyện tập trang 46, 47 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 9.1 trang 46 SGK và trả lời câu hỏi.
- HS quan sát và trả lời câu hỏi.
- GV đánh giá, nhận xét.
- GV chia nhóm HS, yêu cầu đọc nội dung 2 trang 47 và phân loại trang phục có trong hình 9.2.
- Các nhóm HS thực hiện yêu cầu.
- GV nhận xét và tổng kết. GV có thể mở rộng thêm vai trò của trang phục giúp nhận biết công việc của người mặc.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức về khái niệm, vai trò trang phục và phân loại trang phục.

Nội dung: Em hãy phân loại và nêu vai trò các trang phục mà em có.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ “phân loại và nêu vai trò các trang phục mà em có”.

- HS thực hiện yêu cầu.
- GV nhận xét và đánh giá.

2. Thời trang

Hoạt động 1. Hình thành kiến thức mới

Mục tiêu: HS nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

Nội dung: Nội dung mục II. Thời trang trang 48, 49 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc nội dung về thời trang, một, phong cách thời trang.
- GV đưa hình ảnh minh họa để làm rõ khái niệm về thời trang, một, phong cách thời trang. GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em hãy lấy ví dụ về một thời trang mà em biết? Em có sử dụng trang phục “chạy” theo một thời trang không? Vì sao?
- HS trả lời câu hỏi.
- GV đưa ra nhận xét và dẫn dắt sang nội dung đặc điểm của các phong cách thời trang.
- GV chia nhóm HS thành các nhóm, mỗi nhóm quan sát hình ảnh của một phong cách thời trang và thực hiện yêu cầu: Mô tả đặc điểm và lấy ví dụ về phong cách thời trang đó.
- HS thực hiện hoạt động nhóm.
- GV yêu cầu nhóm HS trình bày kết quả.
- GV nhận xét và đánh giá kết quả. GV có thể hỏi thêm các câu hỏi khai thác thêm sự hiểu biết của HS như: Theo em phong cách thời trang đó phù hợp với những người có tính cách như nào?

Hoạt động 2. Luyện tập

Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học về các phong cách thời trang.

Nội dung: Nhận biết phong cách thời trang thông qua các hình ảnh

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem một số hình ảnh của 4 phong cách mà GV hoặc HS sưu tầm được.
- GV yêu cầu học sinh nêu tên phong cách có trong những hình ảnh.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét và đánh giá.

Hoạt động 3. Vận dụng

Mục tiêu:

- Biết được các phong cách thời trang phù hợp với lứa tuổi HS.

- Liệt kê và mô tả các trang phục mà HS có xem các trang phục đó thuộc phong cách thời trang nào.

Nội dung: Câu hỏi vận dụng trang 49 SGK.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đọc hoạt động vận dụng và giải thích các thắc mắc của HS.
- HS về nhà thực hiện, giao nộp sản phẩm vào giờ học sau
- GV đánh giá kết quả hoạt động vận dụng của HS.

Hoạt động 4. Mở rộng

Mục tiêu: Tăng thêm hiểu biết của HS về ý nghĩa của đồng phục, hình thành nhận thức về nghề nghiệp – Nhà thiết kế thời trang.

Nội dung: Em có biết trang 49, 50 SGK

Sản phẩm: Hiểu biết của HS về ý nghĩa đồng phục, nghề thiết kế thời trang.

Tổ chức thực hiện: GV giới thiệu cho HS về một số nhà thiết kế thời trang nổi tiếng và một số đồng phục học sinh trên thế giới.

IV. ĐÁP ÁN

1. Trang phục có vai trò rất quan trọng đối với con người. Thứ nhất nó bảo vệ con người trước những tác động của thiên nhiên như: nắng, mưa, khói, bụi... Thứ hai, trang phục giúp con người trở nên đẹp và tự tin hơn trong cuộc sống.

2. Những sản phẩm không phải là trang phục, bao gồm: quạt, xe đạp.

3. Hình 9.2a là trang phục BHLĐ của công nhân môi trường gồm có mũ, quần áo, găng tay, tất, giày bảo hộ. Trên quần áo có thêm dải vải phản quang để khi làm việc trên đường phố với xe đi lại nhiều, nhất là trong đêm và trời tối, các phương tiện đi lại trên đường sẽ nhận thấy sự xuất hiện của những công nhân môi trường bởi dải vải phản quang có thể phát sáng trong bóng tối. Chiếc mũ bảo hộ cũng có thể giúp công nhân che nắng che mưa, giúp họ an toàn hơn trong quá trình làm việc bởi có rất nhiều nguy hiểm như những cành cây hay vật nặng từ trên cao có thể rơi xuống,...

Hình 9.2b là trang phục bảo vệ cơ thể khỏi thời tiết giá rét mùa đông gồm áo khoác ngoài, mũ len, giày.

Hình 9.2c trang phục của cảnh sát PCCC đều được sản xuất từ vật liệu chống cháy gồm:

- Quần, áo có dải vải phản quang.
- Mũ: hai bên thân mũ có cấu tạo lồi ra để bảo vệ tai. Phía trước mũ có kính bảo vệ bằng nhựa không màu, giúp cản bụi, gió, hơi nóng khi chữa cháy.
- Ủng: cao cổ, liền đế để chống thấm nước, bên trong thân ủng có lớp vải chuyên dùng chống trượt.

- Găng tay: dài, bên trong găng tay có phủ lớp chất chống trượt.
 - Khẩu trang: có thanh nẹp ôm khít mũi và bao phủ toàn bộ phần miệng, mũi, có dây đeo ở hai bên tai.
4. HS có thể đưa ra rất nhiều ví dụ về một thời trang như một tóc ép thẳng, hoa tiết hoa cúc họa mi, giày sneaker, áo hoodie, áo bomber, quần ống rộng,...
5. Không nên sử dụng trang phục “chạy” theo một thời trang vì không phù hợp với lứa tuổi HS và tốn kém.
6. Trang phục mang phong cách dân gian là những trang phục mặc hằng ngày nhưng sử dụng các loại vải tự nhiên truyền thống của các dân tộc hoặc sử dụng các họa tiết hoa văn như: nghệ thuật tranh sơn mài, tranh Đông hồ, chim vàng anh, cây thị, họa tiết hoa lá trong tranh cổ.
7. Tính cách phù hợp với phong cách:
- Phong cách dân gian: Phù hợp với những người yêu thích vẻ đẹp truyền thống.
- Phong cách cổ điển: Phù hợp với những người có tính cách cẩn thận, nghiêm túc, chín chu.
- Phong cách thể thao: Phù hợp với những người yêu thích sự vui vẻ, hoạt bát và các hoạt động thể thao.
- Phong cách lãng mạn: phù hợp cho những người yêu thích sự nhẹ nhàng, dịu dàng.
8. Cả 4 phong cách trong SGK đều phù hợp với lứa tuổi HS. Tuy nhiên, từng phong cách thời trang sẽ phù hợp với từng thời điểm và hoàn cảnh sử dụng trang phục. VD: khi đến trường học có 3 phong cách phù hợp là phong cách cổ điển và phong cách thời trang thể thao, dân gian; khi đi chơi, đi dạo phố, đi dự tiệc,... phù hợp với 2 phong cách lãng mạn và đường phố.
9. Thông thường đồng phục HS của các trường thường có đặc điểm là thanh lịch, kín đáo, khỏe mạnh, thoải mái, tiện dụng, linh hoạt,... Chúng thường là sự kết hợp của 2 phong cách thời trang cổ điển và thể thao.

V. ĐÁNH GIÁ

Mục tiêu

- Đánh giá các mục tiêu đã đạt được của bài học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng của học sinh trong và sau bài học.

Cách tiến hành:

- Đánh giá quá trình thông qua câu trả lời, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Các câu trả lời được đối chiếu với đáp án của GV.
- Báo cáo của học sinh được đánh giá thông qua cấu trúc, nội dung của báo cáo.



CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ VÀ LÀM BÀI THU HOẠCH

Câu 1. Phân tích một số điểm mới trong sách giáo khoa Công nghệ 6 “Cánh Diều”.

Câu 2. Anh/chị hãy lựa chọn một bài trong sách giáo khoa Công nghệ 6 “Cánh Diều” và soạn giáo án để dạy bài học đó.

Câu 3. Phân tích các phương pháp dạy học môn Công nghệ 6 theo sách giáo khoa Công nghệ 6 “Cánh Diều”.

